

Số: 10/2024/QĐST-VDS

X, ngày 20 tháng 8 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v Yêu cầu tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp: Ông Lê Bá Khuyển.

Thư ký phiên họp: Bà Danh Thị Ngọc Lệ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên họp: Ông Nguyễn Trần Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 269/2024/TLST-VDS, ngày 10 tháng 7 năm 2024 về việc “Yêu cầu tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 116/2024/QĐST-VDS, ngày 09 tháng 8 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Bà Dương Thị D, sinh năm 1970 (Có mặt).

Địa chỉ: Tổ 0, ấp B, xã T, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Lê Thị L, sinh năm 1989 (Vắng mặt).

- Anh Lê N1, sinh năm 1994 (Vắng mặt).

- Anh Lê N2, sinh năm 1996 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Cùng trú tại tổ 0, ấp B, xã T, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Anh Lê N3, sinh ngày 01 tháng 9 năm 2007 (Vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của anh Lê N3: Bà Dương Thị D, sinh năm 1970 (Có mặt).

Địa chỉ: Cùng trú tại tổ 0, ấp B, xã T, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ngày 27/6/2024 và tại bản khai ngày 07/8/2024, người yêu cầu là bà Dương Thị D trình bày:

Bà Dương Thị D, sinh năm 1970 và ông Lê Văn T, sinh năm 1964 là vợ chồng. Ông Lê Văn T chết ngày 08/6/2024 (theo Trích lục khai tử số 16/TLKT do

Ủy ban nhân dân xã T, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cấp ngày 12/6/2024). Quá trình chung sống giữa bà D và ông T sinh được 04 (bốn) người con chung tên Lê Thị L, sinh năm 1989; Lê N1, sinh năm 1994; Lê N2, sinh năm 1996 và Lê N3, sinh năm 2007. Ngoài ra, bà D khẳng định giữa bà và ông T không có con nuôi hay con riêng; cha ruột của bà là ông Dương Văn Đ, sinh năm 1935 và mẹ ruột của bà là bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1933 (chết năm 2017); cha ruột của ông T là ông Lê Văn H (chết năm 1971) và mẹ ruột của ông T là bà Võ Thị L, sinh năm 1932 (chết năm 2006).

Con gái ruột của bà D là chị Lê Thị L từ khi sinh ra đã có biểu hiện khờ dại, trí tuệ kém phát triển cho đến nay không nói được, không có khả năng giao tiếp, không thể định hướng không gian, thời gian, mọi sinh hoạt như duy trì ăn uống và vệ sinh cá nhân phải có người thân giúp đỡ, không nhận biết được người thân, việc đi lại cũng phải có người trợ giúp do liệt bên trái. Hiện tại, chị L đang sống cùng bà D và bà D là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Bản thân chị L được Ủy ban nhân dân xã T, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cấp giấy xác nhận khuyết tật số 64/XM-TLAM.44, ngày 17/9/2013 và đang hưởng tiền trợ cấp xã hội hằng tháng.

Vì vậy, bà D yêu Tòa án tuyên bố chị Lê Thị L bị mất năng lực hành vi dân sự để thuận lợi cho việc khai nhận di sản thừa kế của ông Lê Văn T. Ngoài nội dung trên, bà D không có ý kiến hoặc yêu cầu khác.

Tại bản khai ngày 31/7/2024 và ngày 07/8/2024 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các anh Lê N1, Lê N2 và Lê N3 thống nhất trình bày:

Các anh Lê N1, Lê N2 và Lê N3 đồng ý với lời trình bày của mẹ ruột mình là bà Dương Thị D về việc cha của các anh là ông Lê Văn T đã chết ngày 08/6/2024 và cha, mẹ sinh được 04 (bốn) người con chung là Lê Thị L, sinh năm 1989; Lê N1, sinh năm 1994; Lê N2, sinh năm 1996 và Lê N3, sinh năm 2007; cha, mẹ của các anh không có con nuôi hay con riêng. Do chị Lê Thị L đã được cơ quan chức năng xác định bị chậm phát triển tâm thần nặng (F72) nên các anh đồng ý với yêu cầu của mẹ ruột mình là bà D về việc đề nghị Tòa án tuyên bố chị Lê Thị L bị mất năng lực hành vi dân sự để bà D thuận lợi cho việc khai nhận di sản thừa kế của cha các anh là ông Lê Văn T. Ngoài nội dung trên, các anh không có ý kiến hoặc yêu cầu nào khác.

Đối với đề nghị của ông Dương Văn Đ, sinh năm 1935. Nơi cư trú: Ấp 0 GN, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre (cha ruột của bà D).

Tại đơn đề nghị ngày 08/8/2024 của ông Đ đã được Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre xác nhận có các nội dung: Đồng ý với yêu cầu của con gái ruột là bà Dương Thị D về việc đề nghị Tòa án tuyên bố cháu ngoại của mình là chị Lê Thị L bị mất năng lực hành vi dân sự để bà D làm các thủ tục phân chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật. Bên cạnh đó, ông Đ cũng đề nghị với Tòa án không đưa ông Đ tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Đề nghị của ông Đ là hoàn toàn tự nguyện và không ảnh hưởng đến việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ việc nên chấp nhận.

Tại phiên họp:

Người yêu cầu là bà Dương Thị D vẫn giữ nguyên yêu cầu không thay đổi, bổ sung gì thêm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các anh Lê N1, Lê N2 và Lê N3 vắng mặt có lý do. Ngoài lời trình bày tại bản khai có trong hồ sơ vụ việc thì không ai gửi văn bản ghi ý kiến bổ sung.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết việc dân sự như sau:

- Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết việc dân sự đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký tại phiên họp đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Người yêu cầu và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ việc và lời trình bày của người yêu cầu tại phiên họp; căn cứ Điều 22 của Bộ luật Dân sự năm 2015; căn cứ các Điều 376, Điều 377 và Điều 378 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà Dương Thị D về việc tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự đối với chị Lê Thị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tại đơn yêu cầu, bà Dương Thị D yêu cầu Tòa án giải quyết việc tuyên bố chị Lê Thị L mất năng lực hành vi dân sự, được xác định quan hệ là việc dân sự về “Yêu cầu tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự”. Chị L có địa chỉ cư trú tại huyện X, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35 và điểm a khoản 2 Điều 39, Điều 376 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Về quyền yêu cầu: Bà Dương Thị D là mẹ ruột của chị Lê Thị L nên là người có quyền, lợi ích liên quan. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 376 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, bà D có quyền yêu cầu Tòa án tuyên bố chị L bị mất năng lực hành vi dân sự.

[1.3] Sự vắng mặt của đương sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc dân sự vắng mặt họ. Căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 3 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành phiên họp.

[2] Về nội dung:

Tại Kết luận giám định pháp y tâm thần theo trung cầu số 5757/KLGD, ngày 22/7/2024 của Trung tâm Pháp y Tâm thần khu vực thành phố Hồ Chí Minh – Bộ Y tế kết luận:

Căn cứ tiêu chuẩn chẩn đoán bệnh theo Bảng phân loại Quốc tế về bệnh tật

lần thứ 10 của Tổ chức Y tế Thế giới (ICD – 10).

Căn cứ Thông tư số 23/2019/TT- BYT do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành ngày 28 tháng 8 năm 2019 quy định về Quy trình giám định pháp y tâm thần và Biểu mẫu sử dụng trong giám định pháp y tâm thần.

- Về y học: Đương sự có Chậm phát triển tâm thần, mức độ nặng kèm Động kinh/Bại não (F72+ G40/G80 ICD10).

- Về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: Đương sự mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Căn cứ vào Kết luận giám định nêu trên, Hội đồng giải quyết việc dân sự nhận thấy: Chị Lê Thị L có chậm phát triển tâm thần, mức độ nặng kèm Động kinh/Bại não; mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi; không có khả năng bằng hành vi của mình xác lập, thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự. Do đó, có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà Dương Thị D về việc tuyên bố chị Lê Thị L mất năng lực hành vi dân sự theo quy định tại Điều 19 và khoản 1 Điều 22 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà Dương Thị D phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự theo quy định.

[4] Về chi phí tố tụng: Bà Dương Thị D là người yêu cầu và có đơn đề nghị Tòa án ra quyết định trưng cầu giám định nên phải chịu chi phí giám định theo quy định của pháp luật. Bà D đã tự nguyện nộp đủ chi phí giám định.

[5] Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo; Viện kiểm sát cùng cấp và Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 2 Điều 39, khoản 1 Điều 149, Điều 227, Điều 361, Điều 367, Điều 370, Điều 371, Điều 372, Điều 376, Điều 377 và Điều 378 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Điều 19 và Điều 22 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 4, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự của bà Dương Thị D về việc “Yêu cầu tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự”.

Tuyên bố chị Lê Thị L, sinh ngày 23 tháng 12 năm 1989. Địa chỉ: Tổ 0, ấp B, xã T, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu là người mất năng lực hành vi dân sự.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà Dương Thị D phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí bà D đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000915, ngày 10/7/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Bà D đã nộp đủ lệ phí.

3. Chi phí tố tụng: Bà Dương Thị D đã nộp đủ chi phí giám định.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu; người có quyền lợi, nghĩa

vụ liên quan đến việc giải quyết việc dân sự có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Trường hợp đương sự không có mặt tại phiên họp giải quyết việc dân sự thì thời hạn đó được tính từ ngày đương sự nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

5. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án Dân sự đối với những quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện X;
- Người yêu cầu;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Chi cục THADS huyện X;
- Lưu: Hồ sơ VDS, Văn thư.

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN
HỌP**

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Bá Khuyến